TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST
Ngày 24 – 01 - 2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Trường

Ông Hồ Thanh Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 596/2023/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Hồng N, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: Ấp TL, xã TĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Tiêu Quốc T, sinh năm 1977; địa chỉ cư trú: Ấp TL, xã TĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Lê Hồng N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh T chung sống năm 1999, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Gia đình hai bên có hòa giải hàn gắn nhưng vợ chồng vẫn không thay đổi quan điểm. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 người con tên Tiêu Mỹ N1, sinh năm 2000 và Tiêu Đăng K, sinh năm 2004 hiện đã trưởng thành. Khi ly hôn, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và các vấn đề khác: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng.

Anh Tiêu Quốc T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Thời gian chung sống, không có đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn như chị N trình bày là đúng. Nay anh không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 02 người con như chị N trình bày là đúng. Khi ly hôn, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và các vấn đề khác: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Lê Hồng N khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân với anh Tiêu Quốc T là vụ kiện tranh chấp ly hôn, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Anh T đã được triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị N, anh T.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào năm 1999, chị N và anh T chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, không có đăng ký kết hôn theo quy định. Như vậy, mối quan hệ hôn nhân giữa chị N với anh T không được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Xét về con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình chung sống, chị N với anh T có 02 người con chung hiện đã trưởng thành. Khi ly hôn, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Xét về tài sản chung và các vấn đề khác: Chị N và anh T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Xét về án phí dân sự: Chị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật hiện hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Hồng N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Lê Hồng N với anh Tiêu Quốc T là vợ chồng.

2. Về án phí dân sự: Chị Lê Hồng N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000486 ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; chị Lê Hồng N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trương Minh Thịnh